
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

TRANG

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1- 3
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	4- 5
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6- 7
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10- 19

0264
GTY
M HỮU
NTU
ĐỒ
AN - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009

Ban giám đốc Công ty trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Tổ chức, ngành nghề đăng ký kinh doanh, vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân có quá trình hình thành và phát triển như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001113 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2007;

Một số thông tin tổng hợp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
Trụ sở chính	Số 1 Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Vốn kinh doanh	300.000.000.000 VNĐ

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh khai thác cảng;
- Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi;
- Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá đường bộ, đường thuỷ, đại lý tàu biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá./

2. Công ty con

Các công ty con của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân gồm có: Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân và Công ty cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân.

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân được thành lập căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 221022000116 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/06/2008 và thực hiện dự án với nội dung như sau:

- Tên dự án đầu tư: Xây dựng và vận hành khai thác cầu tàu số 2, 3, 4 cảng Cái Lân;
- Địa điểm thực hiện dự án: Bến số 2, 3, 4 hiện hữu tại cảng Cái Lân
- Mục tiêu và quy mô dự án:
 - ✓ Thiết kế, cung cấp tài chính, xây dựng, trang bị, vận hành và khai thác toàn bộ các cầu tàu số 2, 3, 4 để nhận các tàu công-ten-nơ đến 40.000 DWT;
 - ✓ Cung cấp các dịch vụ cảng để nâng cao hiệu quả vận hành các tàu hiện có tại cảng Cái Lân theo thoả thuận hợp tác với cảng Quảng Ninh;
 - ✓ Thiết lập các phương tiện và hệ thống lo-gis-tic để hỗ trợ việc vận hành cảng.
- Thời hạn hiệu lực liên doanh: 50 năm
- Vốn góp liên doanh: 30.900.000 USD, trong đó:
 - ✓ Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân góp 15.759.000 USD, chiếm 51% vốn liên doanh, bằng giá trị quyền sử dụng đất và tiền mặt;
 - ✓ SSAHVN góp 15.141.000 USD, chiếm 49% vốn liên doanh, bằng tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Công ty Cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân được thành lập căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5701314902 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/09/2009. Vốn điều lệ của công ty Cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân là 40.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân là 23.000.000.000 đồng chiếm 57,5%.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 gồm:

Ông Đỗ Hồng Phấn	Chủ tịch
Ông Lê Triều Thanh	Phó chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Vũ Khắc Từ	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tiên	Ủy viên

4. Ban giám đốc

Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 gồm:

Ông Nguyễn Hồng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Toàn	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng

5. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được đính kèm báo cáo này.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC.

Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC là Công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán năm 2010 theo Công văn 884/VACPA ngày 30/12/2009 của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam.

Trụ sở: Lô 16, D6 khu Quận uỷ Thanh Xuân, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại: (84) 04 62 852 318 Fax: (84) 04 62 852 317

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty mẹ là lãi: 2.618.029.856 VNĐ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, ngoài các sự kiện nêu trên, tính đến thời điểm lập Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày khoá sổ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

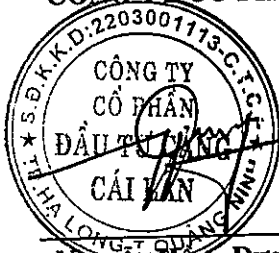
Địa chỉ : Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

9. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt và đại diện

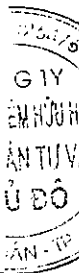
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng





BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô (CACC) đã thực hiện dịch vụ Hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân và hai công ty con là Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân và Công ty cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, đã được trình bày từ trang 06 đến trang 19;

Các Báo cáo tài chính Hợp nhất này được lập theo các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam nêu tại Ghi chú số 03 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất và các chuẩn mực kế toán Quốc tế được Việt Nam thừa nhận.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân; Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về tính Phù hợp trong Báo cáo tài chính Hợp nhất này.

Cơ sở của ý kiến

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hợp nhất trên cơ sở các Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ - công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân và hai công ty con - Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân và Công ty Cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư cảng Cái Lân. Quá trình kiểm toán của chúng tôi đã được tiến hành phù hợp với các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam, Quy định kiểm toán độc lập hiện hành ở Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được Việt nam thừa nhận. Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm thu thập các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư cảng Cái Lân có tránh khỏi các sai sót trọng yếu hay không.

Chúng tôi cũng đánh giá những kế hoạch và quyết định quan trọng của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay chưa.

Công việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư cảng Cái Lân bao gồm: kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, các ghi chép kế toán và phương pháp kế toán mà Công ty đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính và những bằng chứng có liên quan đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Để đưa ra ý kiến chúng tôi cũng đánh giá tổng quát về các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính và thực hiện các thủ tục kiểm toán khác mà chúng tôi xét thấy cần thiết trong từng trường hợp.

Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý Kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Lưu ý với người sử dụng

Ở đây, chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính một số vấn đề như sau:

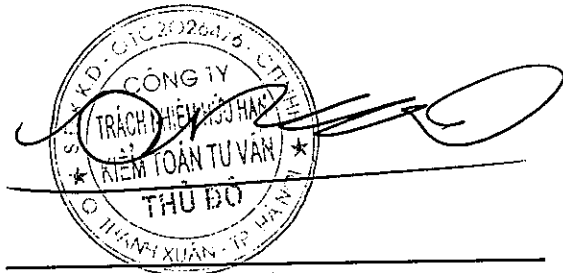
Chúng tôi không tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của hai Công ty con là: Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009) và Công ty cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân (mới thành lập ngày 21 tháng 09 năm 2009 chưa được kiểm toán năm 2009) mà chỉ thực hiện dịch vụ hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân, theo các quy định tại chuẩn mực kế toán số 25.

Việc Hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân được thực hiện theo Phương pháp tỷ lệ vốn góp trong giấy chứng nhận đầu tư.

Việc Hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân được thực hiện theo Phương pháp giá trị vốn góp thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ (CACC)



NGUYỄN ANH TUẤN

Tổng giám đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1234/KTV

Ngày 30 tháng 03 năm 2010

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Phạm Thuý Tĩnh".

Phạm Thuý Tĩnh

Người chịu trách nhiệm kiểm toán

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1233/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 NĂM 2009**

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138,254,055,774	119,611,456,849
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		130,556,350,373	115,438,201,238
Tiền	111	VI.01	15,056,350,373	2,902,711,100
Các khoản tương đương tiền	112		115,500,000,000	112,535,490,138
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130	VI.02	6,184,262,281	3,442,895,090
Phải thu của khách hàng	131		3,461,292,850	342,317,957
Trả trước cho người bán	132		438,616,162	50,207,300
Phải thu nội bộ	133	VI.02	-	67,932,000
Các khoản phải thu khác	135		2,284,353,269	2,982,437,833
Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.04	1,513,443,120	730,360,521
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110,300,372	49,073,252
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,383,142,748	671,287,269
Tài sản ngắn hạn khác	158		20,000,000	10,000,000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164,309,522,465	147,760,577,757
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		162,626,795,801	147,261,211,760
TSCĐ hữu hình	221	VI.06	1,546,508,670	1,472,568,461
Nguyên giá	222		1,850,907,089	1,557,578,414
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(304,398,419)	(85,009,953)
TSCĐ vô hình	227	VI.08	143,369,969,742	145,788,643,299
Nguyên giá	228		146,668,698,458	146,038,400,000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,298,728,716)	(249,756,701)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.09	17,710,317,389	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1,682,726,664	499,365,997
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	1,682,726,664	499,365,997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		302,563,578,239	267,372,034,606



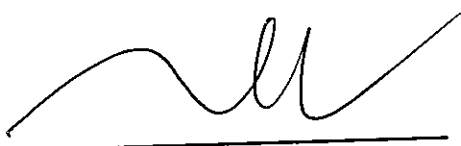
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

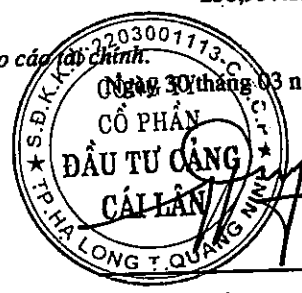
NGUỒN VỐN	MA SỐ	THUYẾT MINH	SỐ QUỐT NAM	SỐ ĐÀU NAM
NỢ PHẢI TRẢ	300		94,096,501,680	91,143,926,863
Nợ ngắn hạn	310		86,659,922,913	82,643,664,643
Phải trả cho người bán	312	VI.15	5,048,779,193	635,359,622
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	2,045,215,295	1,495,859,084
Phải trả công nhân viên	315		416,589,932	371,265,949
Chi phí phải trả	316	VI.17	46,917,920,377	47,234,391,720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	VI.18	32,231,418,116	32,906,788,268
Nợ dài hạn	330		7,436,578,767	8,500,262,220
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.13	7,431,458,469	8,495,141,922
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5,120,298	5,120,298
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184,041,346,676	167,221,624,786
Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	183,953,846,676	167,207,624,786
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		166,964,290,000	137,045,625,000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		11,500,000,000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		603,706,942	162,343,383
Quỹ đầu tư phát triển	417		756,930,096	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		1,557,937,000	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500,000,000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	VI.23	2,070,982,638	29,999,656,403
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		87,500,000	14,000,000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		87,500,000	14,000,000
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		24,425,729,883	9,006,482,957
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		302,563,578,239	267,372,034,606

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CĐKT	MA SỐ	THUYẾT MINH	SỐ QUỐT NAM	SỐ ĐÀU NAM
Ngoại tệ các loại (USD)			238,957.120	360,552.020

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.
 Ngày 30 tháng 03 năm 2010



Nguyễn Tư Thịnh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Dương
 Tổng Giám đốc

2026
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ
 CÁI LÂN
 ỦY BAN
 QUẢN LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

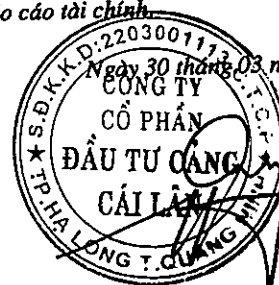
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

NĂM 2009

Đơn vị tiền tệ: VND

CHI TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Tổng doanh thu	01	VI.27	16,215,743,796	3,436,232,012
2. Các khoản giảm trừ	02		-	32,010,132
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	16,215,743,796	3,404,221,880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	14,568,732,042	2,784,985,866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,647,011,754	619,236,014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	10,428,131,327	12,999,841,958
7. Chi phí tài chính	22	VI.29	-	1,020,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	6,609,089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,209,247,225	3,468,414,941
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		(2,134,104,144)	10,143,033,942
11. Thu nhập khác	31		672,318,333	30,650,619,955
12. Chi phí khác	32		10,077,142	190,832,456
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		662,241,191	30,459,787,499
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	VI.31	(1,471,862,953)	40,602,821,441
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		1,924,756,428	2,986,921,659
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		(153,489,676)	8,495,141,922
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3,243,129,705)	29,120,757,860
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(5,861,159,561)	(1,081,089,693)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		2,618,029,856	30,201,847,553
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.


Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởngNguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX, kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01	13,972,337,484	
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02	(19,799,815,912)	
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(7,264,256,744)	
5 Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(1,325,594,355)	
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3,489,926,205	
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2,912,731,640)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Kinh doanh	20	(13,840,134,962)	-
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14,741,466,192)	
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15,909,061	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,440,136,154	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5,285,420,977)	-
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50,468,865,000	
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16,683,879,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33,784,986,000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14,659,430,061	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	115,438,201,238	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	458,719,074.00	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	130,556,350,373	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 03 năm 2010



Nguyễn Tư Thịnh
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001113 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2007;

Một số thông tin tổng hợp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**
Trụ sở chính: **Số 1 - Đường Cái Lân - P. Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh**
Vốn kinh doanh: **300.000.000.000 VNĐ**

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh khai thác cảng;
- Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi;
- Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá đường bộ, đường thuỷ, đại lý tàu biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá./

3 Công ty con

Các công ty con của Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân gồm có: Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân và Công ty cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2 công ty

- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân được thành lập căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 221022000116 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/06/2008.

Trụ sở chính: Số 1 - Đường Cái Lân - P. Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Vốn điều lệ: 30.900.000 USD

Trong đó: Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân (công ty mẹ) góp 15.759.000 chiếm 51%

- Công ty Cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân được thành lập căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5701314902 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21/09/2009.

Trụ sở chính: Số 1 - Đường Cái Lân - P. Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ

Trong đó: Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân (công ty mẹ) góp 23.000.000.000 chiếm 57.5%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là VNĐ. Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc.

III CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Chế độ kế toán áp dụng và cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ - công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân và hai công ty con - Công ty TNHH Cảng

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân và Công ty Cổ phần dịch vụ kho vận Cái Lân.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4)

Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5)

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền :

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền :

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền Việt nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp hạch toán hàng tồn Kê khai thường xuyên

c. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá, thành phẩm : Phương pháp tính giá bình quân gia quyền

Sản phẩm dở dang:

d. Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Giá trị nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được tập hợp phân bổ theo từng mặt hàng, từng sản phẩm theo giá trị dự toán.

e. Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho:

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận :

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính. Khi có đơn thư, chứng từ chấp nhận mua hoặc hợp đồng kinh tế đã được xác

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

5. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) :

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình :

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình :

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Phương tiện vận tải	08 -10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-06

b. TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt bao gồm các khoản giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao đang sử dụng

Thời gian khấu hao:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Phần mềm kế toán	02- 05
Quyền sử dụng đất	49,5

6. Hợp đồng thuê tài chính (đối với bên đi thuê):

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính :

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác:

Chi phí trả trước: Theo nguyên tắc phù hợp;

Chi phí khác: Thực hiện theo thực tế;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo đường thẳng;

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu phát triển và triển khai: Ghi theo tình hình thực tế;

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: (ghi theo thực tế)

14. Ghi nhận các khoản thanh toán trước và dự phòng:

15. Ghi nhận trái phiếu có thể chuyển đổi:

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: (Ghi theo thực tế)

17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Ghi nhận cổ tức:

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Chưa Thực hiện ;

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng :

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

20. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
CÀNG CÁI LÂN
HÀNG TRẠI

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

21. Tái phân loại :

22. Các nghĩa vụ về thuế:

Thuế suất thuế GTGT hàng bán ra chịu mức thuế suất 5%, 10%.

Thuế thu nhập công ty mẹ năm 2009 bằng 25% lợi nhuận thu được. Đơn vị được giảm 30% thuế TNDN năm 2009 căn cứ quy định tại nghị quyết 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 và thông tư hướng dẫn 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009;

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Tiền mặt tại quỹ	117,191,147	62,855,510
Tiền gửi ngân hàng	9,623,796,639	2,839,855,590
Các khoản tương đương tiền	<u>120,815,362,587</u>	<u>112,535,490,138</u>
Tổng cộng	<u>130,556,350,373</u>	<u>115,438,201,238</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Phải thu của khách hàng	3,461,292,850	342,317,957
Trả trước cho người bán	438,616,162	50,207,300
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-
Các khoản phải thu khác	2,284,353,269	3,050,369,833
Phải thu nội bộ	-	67,932,000
Phải thu khác	2,284,353,269	2,982,437,833
Tổng cộng	<u>6,184,262,281</u>	<u>3,442,895,090</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	<u>6,184,262,281</u>	<u>3,442,895,090</u>

3. Hàng tồn kho

4. TS ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Thuế GTGT còn được khấu trừ	1,383,142,748	671,287,269
Chi phí trả trước ngắn hạn	110,300,372	49,073,252
Tạm ứng	20,000,000	10,000,000
Tổng cộng	<u>1,513,443,120</u>	<u>730,360,521</u>

5. Các khoản phải thu dài hạn

6. Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	TSCĐ KHÁC	THIẾT BỊ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	-	1,293,954,345	-	263,624,069	<u>1,557,578,414</u>

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tăng trong năm	-	-	-	293,328,675	293,328,675
Mua sắm mới	-	-	-	293,328,675	293,328,675
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1,293,954,345	-	556,952,744	1,850,907,089

HAO MÒN LUY KẾ

Số dư đầu năm	-	70,924,746	-	14,085,207	85,009,953
Tăng trong năm	-	142,429,212	-	76,959,254	219,388,466
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	213,353,958	-	91,044,461	304,398,419

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	-	1,223,029,599	-	249,538,862	1,472,568,461
Số cuối năm	-	1,080,600,387	-	465,908,283	1,546,508,670

7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính (TSCĐ thuê TC)

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Tổng cộng
----------	-------------------	-------------------------	-----------

NGUYÊN GIÁ

Số đầu năm	146,000,000,000	38,400,000	-	146,038,400,000
Tăng trong kỳ	-	630,298,458	-	630,298,458
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối năm	146,000,000,000	668,698,458	-	146,668,698,458

HAO MÒN LUY KẾ

Số đầu năm	246,205,733	3,550,968	-	249,756,701
Tăng trong kỳ	2,949,486,564	99,485,451	-	3,048,972,015
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3,195,692,297	103,036,419	-	3,298,728,716

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	145,753,794,267	34,849,032	-	145,788,643,299
Số cuối kỳ	142,804,307,703	565,662,039	-	143,369,969,742

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13,677,660,721	-
Mua sắm máy móc thiết bị	4,032,656,668	-
Tổng cộng	17,710,317,389	-

10. Tăng giảm bất động sản đầu tư

11. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí công cụ dụng cụ, thiết bị	444,037,182	484,688,578
Chi phí đào tạo	356,026,719	-
Chi phí nghiên cứu	820,156,672	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	1,933,335	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	60,572,756	14,677,419
Tổng cộng	1,682,726,664	499,365,997

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2009	01/01/2009
Thuế TN hoãn lại phải trả	7,431,458,469	8,495,141,922
Tổng cộng	7,431,458,469	8,495,141,922

14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	5,048,779,193	635,359,622
Người mua trả tiền trước	-	-
Tổng cộng	5,048,779,193	635,359,622

16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
a. Thuế phải nộp Nhà nước	2,045,215,295	1,495,859,084
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,924,756,428	1,325,594,355
Thuế Thu nhập cá nhân	120,458,867	170,264,729
b. Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	2,045,215,295	1,495,859,084

17. Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí phải trả	46,917,920,377	47,234,391,720
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế nhà đất phải nộp cho quyền sử dụng đất góp vốn vào CICT	20,734,729,931	21,163,016,615
- CP đến bù GPMB phải trả cục Hàng hải	24,945,902,000	24,945,902,000
- CP đến bù GPMB phải trả BQL	498,918,040	498,918,040
- Tiền lương	117,262,557	383,073,442
- Thù lao HĐIV	99,672,223	178,258,500
- Tháng lương thứ 13	111,204,519	50,797,196
- Phí dịch vụ	312,173,400	-
- Các khoản khác	98,057,707	14,425,927
Inter-company Long-term paya	-	-
Tổng cộng	46,917,920,377	47,234,391,720

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

19. Phải trả dài hạn nội bộ

20. Các khoản vay và nợ dài hạn

21. Các khoản nợ thuế tài chính

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

b. Chi tiết đầu tư Vốn CSH

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	76,500,000,000	76,500,000,000
Công ty CP xuất nhập khẩu Hà Nội	9,000,000,000	9,000,000,000
Cảng Quảng Ninh	36,744,710,000	22,500,000,000
Cổ đông cá nhân	44,719,580,000	29,045,625,000
Tổng cộng	<u>166,964,290,000</u>	<u>137,045,625,000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	137,045,625,000	137,045,625,000
Vốn góp tăng trong năm	29,918,665,000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>166,964,290,000</u>	<u>137,045,625,000</u>

23. Lãi chưa phân phối

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
----------------	------------------

24. Nguồn kinh phí

25. Tài sản thuê ngoài

26. Nghiệp vụ với các bên liên quan

27. Doanh thu

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Tổng doanh thu	16,215,743,796	3,436,232,012
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	900,845,454	3,436,232,012
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,629,284,329	32,010,132
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	16,215,743,796	3,404,221,880

b. Doanh thu hoạt động tài chính khác

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10,428,131,327	12,999,841,958
Tổng cộng	<u>10,428,131,327</u>	<u>12,999,841,958</u>

c. Doanh thu hợp đồng xây dựng

28. Giá vốn hàng bán

<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
-------------------	-------------------

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giá vốn hàng hoá, dịch vụ	14,568,732,042	2,784,985,866
Tổng cộng	14,568,732,042	2,784,985,866

29. Chi phí tài chính

30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77,960,620	700,000,230
Chi phí nhân công	7,424,528,790	2,348,348,046
<i>Lương</i>		
<i>BHXH và BHYT</i>		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,268,360,481	334,766,654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922,253,073	3,400,000
Chi phí bằng tiền khác	2,504,444,078	1,288,397,783
Tổng cộng	14,197,547,042	4,674,912,713

31. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,924,756,428	2,986,921,659
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	1,924,756,428	2,986,921,659

b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		8,495,141,922
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(153,489,676)	
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(153,489,676)	
Tổng cộng	(153,489,676)	8,495,141,922

32. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ

- a. Các giao dịch không bằng tiền
- b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.
- c. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
- 2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Địa chỉ: Số 1 - Đường Cái Lân - Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

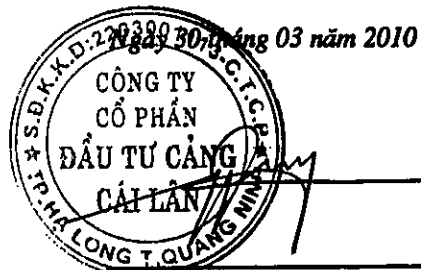
Ghi chú Báo cáo Tài chính

kết thúc 31/12/2009

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. Những thông tin khác.



Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Dương
Tổng Giám đốc

